

Bản án số: 15/ 2021/ KDTM-ST.

Ngày: 30/ 9/ 2021.

“V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ MỸ HÀO - TỈNH HUNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thế Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Ông Nguyễn Xuân Khải.

2- Bà Nguyễn Thị Thìn.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đăng Toàn - Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Bùi Kim Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại về việc *“Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”* thụ lý số: 06/2017/TLST-KDTM ngày 13/4/2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-KDTM ngày 17/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2021/QĐST-DS ngày 06/4/2021; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2021/QĐ-KDTM ngày 28/4/2021 và Thông báo về thời gian tiếp tục phiên tòa số 01/TB-HĐXX ngày 28/9/2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Địa chỉ: Số 77 T - Quận H - Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn L - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Bá L - Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, Chi nhánh H (*Có mặt*).

*** Bị đơn:** 1. Ông Đỗ Văn Q, sinh năm 1962 (*Vắng mặt*).

2. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1965 (*Vắng mặt*).

Đều địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện M (*nay là Tổ dân phố Nì, phường Phan Đình P, thị xã M*), tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S trình bày trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Ngày 17/09/2013, Ngân hàng Thương mại cổ phần S cùng ông Đỗ Văn Q và bà Nguyễn Thị B ký kết Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số: 72/2013/HĐTDNH-CN/SHB.HY_NQ; số tiền vay: 200.000.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng; Lãi suất: 13%/ năm; Lãi suất điều chỉnh 3 tháng/ lần; Lịch trả nợ: Lãi trả 01 tháng/ lần; Gốc trả cuối kỳ; Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn; Mục đích: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh đồ gỗ.

Tài sản thế chấp: Căn cứ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 72/2013/HĐTC-CN/SHB.HY_NQ, ký ngày 17/09/2013, số công chứng: 432, quyền số 05/2013 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/09/2013 tại Văn phòng công chứng Văn Lâm và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật thì tài sản thế chấp của khoản vay là Thửa đất số: 135 tờ bản đồ số 14, tại thôn Ngọc Trì, xã Phan Đình Phùng, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên theo “*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất*” số BK923021 vào sổ GCN số CH-00081 do Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên cấp ngày 10/09/2013 cho ông Đỗ Văn Q và bà Nguyễn Thị B.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, ông Q và bà B chỉ trả một phần nợ gốc, lãi cho ngân hàng và sau đó không trả nữa mặc dù phía ngân hàng đã rất nhiều lần đôn đốc trả nợ. Phía ông Q, bà B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngân hàng buộc phải khởi kiện để thu hồi nợ.

Vì vậy, tại đơn khởi kiện, Ngân hàng Thương mại cổ phần S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Q, bà B phải thanh toán toàn bộ khoản tiền gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn và phí phạt chậm trả lãi cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng tạm tính đến ngày 25/01/2017 là 261.871.442 đồng, tổng đó: tiền gốc 193.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 50.125.127 đồng, lãi quá hạn 18.746.442 đồng. Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu Hội đồng xét xử buộc ông Q, bà B phải trả tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 30/9/2021 là 426.879.331 đồng, trong đó nợ gốc là 193.000.000 đồng, tổng nợ lãi trong hạn và quá hạn là 233.620.140 đồng, phí phạt chậm trả lãi là 259.191 đồng. Ông Q, bà B tiếp tục thanh toán phần lãi suất quá hạn của số nợ gốc chưa trả theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng sau ngày xét xử 30/9/2021 cho đến ngày thanh toán xong khoản nợ gốc. Nếu ông Q, bà B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ. Nếu số tiền thu được bị thiếu thì ông Q, bà B vẫn phải có trách nhiệm trả số tiền còn thiếu. Trường hợp sau thanh toán còn thừa sẽ trả lại cho ông Q và bà B.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo và tiến hành mở phiên họp, hòa giải nhiều lần nhưng bị đơn vắng mặt nên không hòa giải được, nay phải đưa vụ kiện ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Đối với số nợ gốc và nợ lãi: Buộc ông Q và bà B phải trả tổng số tiền gốc, lãi trong hạn, quá hạn và phí phạt chậm trả lãi tính đến ngày 30/9/2021 là 426.879.331 đồng, trong đó nợ gốc là 193.000.000 đồng, tổng nợ lãi trong hạn,

quá hạn và phí phạt chậm trả lãi là 233.620.140 đồng và phải tiếp tục thanh toán phần lãi suất quá hạn của số nợ gốc chưa trả theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng sau ngày xét xử 30/9/2021 cho đến ngày thanh toán xong khoản nợ gốc.

+ Đối với tài sản thế chấp: Trong trường hợp ông Q, bà B không trả được nợ, Ngân hàng Thương mại cổ phần S có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là đất và tài sản xây dựng trên đất thửa đất số 135 tờ bản đồ số 14, tại thôn Ngọc Trì, xã Phan Đình Phùng, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên (*nay là Tổ dân phố Ngọc Trì, phường Phan Đình Phùng, thị xã Mỹ Hào*), tỉnh Hưng Yên theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Nếu giá trị tài sản thế chấp sau khi xử lý mà không đủ bù đắp số tiền vốn gốc, tiền lãi vay thì buộc ông Q, bà B vẫn phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu cho ngân hàng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp sau thanh toán còn thừa sẽ trả lại cho ông Q và bà B.

+Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Mỹ Hào trình bày quan điểm:

- *Về tố tụng*: Toà án thụ lý vụ án, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, ra quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành mở phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, thông báo về kết quả phiên họp, lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử độc lập và chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- *Về nội dung*: Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào: Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 116; Điều 117; Khoản 1 Điều 166; Điều 280; khoản 1 Điều 351; Điều 352; Điều 357; Điều 401; Điều 409; Điều 429; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự;

- Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

- *Về nợ gốc, lãi*:

Buộc ông Quế và bà Bình phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền gốc và lãi trong hạn, lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng số 72/2013/HĐTDNH-CN/SHB.HY_NQ và Khế ước nhận nợ số 72/2013/HĐTDNH-CN/SHB.HY_NQ ngày 17/9/2013 tính đến ngày 30/9/2021 là 362.933.965 đồng (*Ba trăm sáu mươi hai triệu, chín trăm ba mươi ba nghìn, chín trăm sáu mươi lăm đồng*). Trong đó nợ gốc là 193.000.000 đồng, tổng nợ lãi trong hạn và quá hạn là 169.933.965 đồng.

Ông Đỗ Văn Q và bà Nguyễn Thị B phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền lãi quá hạn phát sinh sau ngày 30/9/2021 theo lãi suất quá hạn

quy định tại Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

- *Về tài sản thế chấp:* Trong trường hợp ông Đỗ Văn Q và bà Nguyễn Thị B không trả hoặc trả không đầy đủ số nợ trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần S có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp đối với đất và tài sản xây dựng trên đất thuộc Thửa đất số 135 tờ bản đồ số 14, tại Tổ dân phố Ngọc Trì, phường Phan Đình Phùng, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất” số BK923021 vào sổ GCN số CH-00081 do UBND huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên cấp ngày 10/09/2013 cho ông Đỗ Văn Q và bà Nguyễn Thị B.

Trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp, sau khi trừ các khoản nợ, chi phí xử lý tài sản thế chấp, mà số tiền thu được vẫn không đủ để thanh toán khoản nợ thì ông Đỗ Văn Q và bà Nguyễn Thị B vẫn phải tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S. Trường hợp sau thanh toán còn thừa sẽ trả lại cho ông Q và bà B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét khách quan toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Theo Hợp đồng tín dụng số 72/2013/HĐTDNH-CN/SHB.HY_NQ thể hiện bên cho vay là Ngân hàng Thương mại cổ phần S còn bên vay là ông Đỗ Văn Q và bà Nguyễn Thị B với mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn kinh doanh đồ gỗ, hai bên đều có mục đích lợi nhuận. Vì vậy, tranh chấp giữa nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S và bị đơn là ông Q, bà B là tranh chấp về kinh doanh thương mại theo quy định tại Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hào là đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Đại diện nguyên đơn và Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 72/2013/HĐTDNH-CN/SHB.HY_NQ và Khế ước nhận nợ số 72/2013/HĐTDNH-CN/SHB.HY_NQ ngày 17/9/2013 cho thấy, ông Đỗ Văn Q và bà Nguyễn Thị B đã vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền gốc 200.000.000 đồng. Tại Hợp đồng đã thể hiện thời hạn vay, lãi suất vay, có đầy đủ chữ ký của các bên. Trong quá trình vay, ông Q và bà B đã trả được 7.000.000 đồng tiền gốc, nên số nợ gốc còn nợ là 193.000.000 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần S:

Về nghĩa vụ trả nợ: Đối với nợ gốc, yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S kiện đòi số nợ gốc còn lại là 193.000.000 đồng là phù hợp với những tài liệu, chứng cứ giao nộp, được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ buộc ông Q và bà B phải có trách nhiệm trả Ngân hàng Thương mại cổ phần S số nợ gốc là 193.000.000 đồng.

Đối với nợ lãi trong hạn, quá hạn và phí phạt chậm trả lãi: Nguyên đơn yêu cầu ông Q, bà B phải trả tổng là 233.620.140 đồng.

Xét yêu cầu này của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hợp đồng vay tài sản được xác lập năm 2013 nên các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 được xem xét và áp dụng để giải quyết.

Tại Hợp đồng tín dụng có thỏa thuận về lãi nhưng không thể hiện cụ thể mức lãi suất. Do phía nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần S không bổ sung được tại phiên tòa ngày 28/4/2021 nên Hội đồng xét xử đã quyết định tạm ngừng phiên tòa và yêu cầu nguyên đơn cung cấp văn bản thỏa thuận cụ thể về lãi suất cho vay giữa ngân hàng và ông Q, bà B. Ngày 28/9/2021, nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án Giấy đề nghị giải ngân kèm theo Hợp đồng tín dụng số: 72/2013/HĐTDNH-CN/SHB.HY_NQ ngày 17/9/2013 và Tờ trình ngày 17/9/2013 về việc giải ngân cho khách hàng là ông Đỗ Văn Q và bà Nguyễn Thị B. Đã thể hiện lãi suất vay là 13.00%/năm và lãi suất phạt quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

Đối với yêu cầu trả tiền lãi trong hạn: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định, ông Đỗ Văn Q và bà Nguyễn Thị B phải trả lãi trong hạn tính từ ngày 17/9/2013 đến ngày 17/9/2014 là 18.300.000 đồng.

Đối với yêu cầu trả lãi quá hạn: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định, ông Đỗ Văn Q và bà Nguyễn Thị B phải trả lãi quá hạn tính từ ngày 17/9/2014 đến ngày 30/9/2021; Lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết là bằng 150% lãi suất trong hạn. Do đó, lãi suất quá hạn được tính là 13,5%.

Đối với yêu cầu trả lãi phát sinh sau ngày 30/9/2021 của Ngân hàng là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Đối với yêu cầu ông Q, bà B phải trả lãi phạt là không phù hợp với quy định của pháp luật nên không được chấp nhận.

Tổng lãi trong hạn và quá hạn tính đến ngày 30/9/2021 là 201.684.369 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình vay, ông Q và bà B đã trả được 31.750.404 đồng tiền lãi. Nên ông Q và bà B chỉ còn phải trả lãi trong hạn và quá hạn tính đến ngày 30/9/2021 là 169.933.965 đồng.

Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ buộc ông Đỗ Văn Q và bà Nguyễn Thị B phải trả cho Ngân hàng số tiền lãi trong hạn, quá hạn tính đến ngày 30/9/2021 là 169.933.965 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử 30/9/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất quá hạn quy định tại Điều

476 của Bộ luật dân sự năm 2005 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Đối với tài sản thế chấp: Căn cứ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 72/2013/HĐTC-CN/SHB.HY_NQ ngày 17/09/2013, số công chứng: 432, quyền số 05/2013 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/09/2013 tại Văn phòng công chứng Văn Lâm; Qua lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình giải quyết vụ án đã có đủ căn cứ xác định: Tài sản thế chấp của khoản vay là thửa đất số 135 tờ bản đồ số 14, tại Tổ dân phố Ngọc Trì, phường Phan Đình Phùng, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên. Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp theo đúng quy định của pháp luật và đã làm rõ hiện trạng tài sản thế chấp..

Vì vậy, trong trường hợp ông Q và bà B không trả được nợ, Ngân hàng Thương mại cổ phần S có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Nếu sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ trả số tiền gốc và lãi thì ông Q và bà B vẫn phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu cho ngân hàng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp sau thanh toán còn thừa sẽ trả lại cho ông Q và bà B.

- Về án phí:

Ngân hàng yêu cầu ông Q và bà B phải trả tổng số tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và phí phạt chậm trả lãi tính đến ngày 30/9/2021 là 426.879.331 đồng. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ngân hàng tương ứng với số tiền là 362.933.965 đồng. Do đó, Ngân hàng phải chịu án phí đối với số tiền không được chấp nhận là 63.945.366 đồng.

Bị đơn là ông Q và bà B phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm kinh doanh thương mại theo quy định của pháp luật.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ vào:**

- Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 116; Điều 117; Khoản 1 Điều 166; Điều 280; khoản 1 Điều 351; Điều 352; Điều 357; Điều 401; Điều 409; Điều 429; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự;

- Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

I/- Về nợ gốc, lãi:

Buộc ông Q và bà B phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền gốc và lãi trong hạn, lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng số 72/2013/HĐTDNH-CN/SHB.HY_NQ và Khế ước nhận nợ số

72/2013/HĐTDNH-CN/SHB.HY_NQ ngày 17/9/2013 tính đến ngày 30/9/2021 là 362.933.965 đồng (*Ba trăm sáu mươi hai triệu, chín trăm ba mươi ba nghìn, chín trăm sáu mươi lăm đồng*). Trong đó nợ gốc là 193.000.000 đồng, tổng nợ lãi trong hạn và quá hạn là 169.933.965 đồng.

Ông Đỗ Văn Q và bà Nguyễn Thị B phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền lãi quá hạn phát sinh sau ngày 30/9/2021 theo lãi suất quá hạn quy định tại Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2/- Về tài sản thế chấp: Trong trường hợp ông Đỗ Văn Q và bà Nguyễn Thị B không trả hoặc trả không đầy đủ số nợ trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần S có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp đối với đất và tài sản xây dựng trên đất thuộc Thửa đất số 135 tờ bản đồ số 14, tại Tổ dân phố Ngọc Trì, phường Phan Đình Phùng, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BK923021 vào sổ GCN số CH-00081 do Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Hào (*nay là Ủy ban nhân dân thị xã Mỹ Hào*), tỉnh Hưng Yên cấp ngày 10/09/2013 cho ông Đỗ Văn Q và bà Nguyễn Thị B (*Có sơ đồ kèm theo*).

Trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp, sau khi trừ các khoản nợ, chi phí xử lý tài sản thế chấp, mà số tiền thu được vẫn không đủ để thanh toán khoản nợ thì ông Đỗ Văn Q và bà Nguyễn Thị B vẫn phải tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S. Trường hợp sau thanh toán còn thừa sẽ trả lại cho ông Q và bà B.

3/- Về án phí:

Buộc ông Đỗ Văn Q và bà Nguyễn Thị B phải chịu 18.146.698 đồng (*Mười tám triệu, một trăm bốn mươi sáu nghìn, sáu trăm chín mươi tám đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần S phải chịu 3.197.268 đồng (*Ba triệu, một trăm chín mươi bảy nghìn, hai trăm sáu mươi tám đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Được đối trừ vào số tiền 6.546.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 013071 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Hào (*nay là Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Mỹ Hào*), tỉnh Hưng Yên. Hoàn trả Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 3.348.731 đồng (*Ba triệu, ba trăm bốn mươi tám nghìn, bảy trăm ba mươi một đồng*).

** Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

4/- Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Mỹ Hòa;
- Chi cục T.H.A DS thị xã Mỹ Hòa;
- Phòng KTNV và T.H.A Tòa án tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trương Thế Dương

